

**DỰ TOÁN THU- CHI NSNN ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGTVT ngày tháng năm 2022)

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Cơ quan VP Sở	Thanh tra Sở GTVT
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	15.932	15.932	15.932	0
1	Lệ phí	5.530	5.530	5.530	
-	LP cấp giấy phép lái xe	5.500	5.500	5.500	
-	LP đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng	25	25	25	
-	LP đăng ký, cấp biển PTT nội địa	5	5	5	
2	Phí	10.402	10.402	10.402	
-	Phí sát hạch lái xe	10.000	10.000	10.000	
-	Phí thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy NĐ	2	2	2	
-	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán	400	400	400	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	9.461,8	9.461,8	9.461,8	
1	Chi sự nghiệp...				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	9.461,8	9.461,8	9.461,8	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.362	2.362	2.361,8	
b	KP không thực hiện chế độ tự chủ (Thuê CSVC của TTSHLX)	7.100	7.100	7.100	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	6.470,2	6.470,2	6.470,2	
1	Lệ phí	5.530	5.530	5.530	
-	LP cấp giấy phép lái xe	5.500	5.500	5.500	
-	LP đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng	25	25	25	
-	LP đăng ký, cấp biển PTT nội địa	5	5	5	
2	Phí	940,2	940,2	940,2	
-	Phí sát hạch lái xe	900	900	900	
-	Phí thẩm tra, thẩm định cấp giấy phép hoạt động bến thủy NĐ	0,2	0,2	0,2	
-	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán	40	40	40	
B	Dự toán chi NSNN	15.515	15.515	8.893	6.622
1	Chi quản lý hành chính	15.515	15.515	8.893	6.622
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.089	11.089	5.035	6.054
-	Chi định mức QLNN	7.978	7.978	4.681	3.297
-	Chi định mức SN	2.757	2.757	0	2.757
-	KP đảm bảo hoạt động của hợp đồng các công việc theo quy định	354	354	354	
1.2	Kinh phí tiết kiệm 10% làm nguồn CCTL	-	-	-	-
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.426	4.426	3.858	568
-	Chi nghiệp vụ ngành và phí mở rộng, duy trì hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2015	311	311	311	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	360	360	298	62
-	Chi mua phôi GPLX, vật tư in giấy phép, mua biên lai, ấn chỉ	3.249	3.249	3.249	0
-	Chi bồi dưỡng cho công chức thanh tra + Trang phục thanh tra	506	506		506
2	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				